TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 117/2018/QĐST-HNGĐ	*Hải Châu, ngày 07 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 161/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà **Trịnh Thị Trúc D** – sinh năm 1972

Địa chỉ: ….. Trưng Nữ Vương, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ liên hệ: Lô …… đường Bình Minh 2, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

*** Bị đơn:** Ông **Thái Văn T**– sinh năm 1967

Địa chỉ: … Trưng Nữ Vương, quận H, Tp. Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà **Trịnh Thị Trúc D** – sinh năm 1972

Địa chỉ: … Trưng Nữ Vương, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ liên hệ: Lô … đường Bình Minh 2, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng.

*** Bị đơn:** Ông **Thái Văn T** – sinh năm 1967

Địa chỉ: … Trưng Nữ Vương, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Trúc D và ông Thái Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trịnh Thị Trúc D và ông Thái Văn T có 02 con chung tên là Thái Hồng P – sinh ngày 08 tháng 9 năm 1992 và Thái Thị Diễm Q – sinh ngày 01 tháng 4 năm 2010. Ly hôn bà D và ông T thỏa thuận: Giao con chung tên Thái Thị Diễm Q cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với con chung tên Thái Hồng P đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* bà Trịnh Thị Trúc D tự nguyện chịu nhưng được trừ vào 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí HN&GĐ sơ thẩm bà D đã nộp theo biên lai thu số 0003498 ngày 17/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Hoàn trả lại cho bà Trịnh Thị Trúc D 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Chi phí Thẩm định giá tài sản và Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.940.000đ *(Bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng)* bà Trịnh Thị Trúc D tự nguyện chịu nhưng được trừ vào 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng)* tạm ứng chi phí tố tụng bà D đã nộp theo Thông báo số 329 ngày 15 tháng 10 năm 2018. Hoàn trả lại cho bà D 2.060.000đ *(Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng, bà Diễm đã nhận lại)*.

3. Trong trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Phạm Khắc Tường

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND p Hòa Thuận Đông;
- Lưu hồ sơ;